Người ký: Sở Tư pháp
Cơ quan: Tỉnh Đồng Nai
Thời gian ký: 29.07.2020 10:36:08 +07:00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 12 /2020/NQ-HĐND	*Đồng Nai, ngày 10 tháng 7 năm 2020*

NGHỊ QUYẾT
Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX KỲ HỌP THỨ 16

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản.

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi

hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét Tờ trình số 7173/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường khi nộp hồ sơ thẩm định.

b) Tổ chức, cá nhân liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường.

3. Tổ chức thu phí

Cơ quan được thu phí theo quy định.

4. Mức thu phí

a) Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.

Đơn vị tính: đồng

Tổng vốn đầu tư / **Nhóm dự án**	**≤ 50 tỷ**	**> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ**	**> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ**	**> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ**	**> 500 tỷ**
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5.000.000	6.500.000	12.000.000	14.000.000	17.000.000
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6.900.000	8.500.000	15.000.000	16.000.000	25.000.000
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7.500.000	9.500.000	17.000.000	18.000.000	25.000.000
Nhóm 4. Dự án nông	10.000.000	11.700.000	19.200.000	20.200.000	26.000.000

Tổng vốn đầu tư / Nhóm dự án	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
nghiệp, lâm nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản					
Nhóm 5. Dự án giao thông	8.100.000	10.000.000	18.000.000	20.000.000	25.000.000
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8.400.000	10.500.000	19.000.000	20.000.000	26.000.000
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5.000.000	6.000.000	10.800.000	12.000.000	15.600.000

Trường hợp các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.

Đối với trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường thẩm định lần đầu không được thông qua, phải thực hiện thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường thì mức thu phí bằng 100% mức thu phí thẩm định lần đầu theo biểu thu phí trên.

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.

Đơn vị tính: đồng

Tổng vốn đầu tư / Nhóm dự án	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	3.500.000	4.600.000	8.400.000	9.800.000	11.900.000
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	4.900.000	6.000.000	10.500.000	11.200.000	17.500.000
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	5.300.000	6.700.000	11.900.000	12.600.000	17.500.000
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7.000.000	8.200.000	13.500.000	14.200.000	18.200.000
Nhóm 5. Dự án giao thông	5.700.000	7.000.000	12.600.000	14.000.000	17.500.000
Nhóm 6. Dự án công nghiệp	5.900.000	7.400.000	13.300.000	14.000.000	18.200.000

Tổng vốn đầu tư / Nhóm dự án	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	3.500.000	4.200.000	7.600.000	8.400.000	11.000.000

Trường hợp các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.

Đối với trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường thẩm định lần đầu không được thông qua, phải thực hiện thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường thì mức thu phí bằng 100% mức thu phí thẩm định lần đầu theo biểu thu phí trên.

b) Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường

Đơn vị tính: đồng

Tổng vốn đầu tư / Nhóm dự án	≤ 50 tỷ	> 50 tỷ và ≤ 100 tỷ	> 100 tỷ và ≤ 200 tỷ	> 200 tỷ và ≤ 500 tỷ	> 500 tỷ
Dự án về thăm dò, khai khác, chế biến khoáng sản	5.000.000	6.000.000	10.800.000	12.000.000	15.600.000

Đối với trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường thẩm định lần đầu không được thông qua, phải thực hiện thẩm định lại thì mức thu phí bằng 100% mức thu phí thẩm định lần đầu theo biểu thu phí trên.

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

b) Các nội dung liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng phí được thực hiện theo quy định Luật Phí và lệ phí năm 2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí và các quy định khác có liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Khóa IX Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./.

Nơi nhận:
- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VB.QPPL- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Các sở, ban, ngành;
- VKSND,TAND, CTTHADS tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh tỉnh;
- Báo Đồng Nai, Đài PT-TH Đông Nai;
- Lưu VT, PTH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Nguyễn Phú Cường